TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2021/HS-ST
Ngày: 16-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hữu Chí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Kim Xuyến

2. Bà Trần Thanh Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Ông Đinh Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường xét xử A - Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 03 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HS ngày 26/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/HSST-QĐ ngày 07/5/2021, Thông báo số 08/TB-TA ngày 18/5/2021 dời ngày xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 28/5/2021 đối với bị cáo:

Lê Quốc K, sinh năm 1985 tại tỉnh Bạc Liêu.

Nơi đăng ký HKTT: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng V, sinh năm 1941 và bà Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 và có 01 con sinh năm 2015;

+ Tiền án: Không;

+ Tiền sự: Ngày 05/9/2020, bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Nhân thân: Ngày 21/3/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 và 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật

hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 09 năm tù. Ngày 17/01/2011, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt giữ từ ngày 16/10/2020, hiện đang bị tạm giữ tại Nhà Tạm giữ Công an huyện N (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc K là đối tượng nghiện ma túy và không có nghề nghiệp ổn định nên nảy sinh ý định tìm người có sở hở để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 05 giờ ngày 16/10/2020, K điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 đi đến khu vực vườn tràm thuộc ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, K nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô hiệu Cúp 81, màu xanh (không có biển số) và không có người trông coi, K tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến khu vực gần cổng chào ấp 2, xã P1, huyện N thì phát hiện công trình xây dựng do chị Trần Thị L (sinh năm 1970), ngụ tại xã G1, huyện C, tỉnh Lâm Đồng quản lý, K nhìn thấy 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, K bê toàn bộ 250 cái khung sắt rỉ sét bỏ lên xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 và điều khiển xe đến tiệm ve chai tại ấp P, xã Đ, huyện N do chị Nguyễn Thị G (sinh năm 1992), ngụ tại đội 4, xã T2, huyện T3, tỉnh Thanh Hóa làm chủ; chị G không biết 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg trên do K trộm cắp mà có nên đồng ý mua với giá 313.000 đồng.

Sau đó, K điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 đi đến nhà anh Phạm Văn T1 (sinh năm 1983), ngụ tại ấp T4, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Tại đây, K nhờ anh T1 điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 chở K quay lại khu vực vườn tràm thuộc ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai nhưng K không nói cho anh T1 biết mục đích K trộm tài sản. Khi đi đến gần khu vực vườn tràm, K nói anh T1 dừng xe và anh T1 điều khiển xe mô tô chạy về nhà còn K đi bộ đến khu vực vườn tràm lấy chiếc xe xe mô tô hiệu Cúp 81, màu xanh (không có biển số) thì bị người dân phát hiện truy hô, K nổ máy xe chạy thoát. Đến 09 giờ 40 phút cùng ngày, K đến công an xã P1 đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Qua xác minh thì ngày 30/6/2020, K bị Công an xã V, huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000

đồng. Công an xã P1, huyện N lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N xử lý theo thẩm quyền.

* Tang vật thu giữ:

+ 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg là tài sản của chị Trần Thị L.

+ 01 xe mô tô biển số 52F7-1581 và 01 chiếc xe mô tô hiệu Cúp 81, màu xanh (không có biển số).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 217/KLGĐ-HĐĐG ngày 27/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu, tổng trọng lượng 57kg có trị giá 285.000 đồng.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng số 39/CT-VKS-NT ngày 23/3/2021 và đề nghị:

* Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Lê Quốc K mức án từ 12 đến 14 tháng tù giam.

* Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg là tài sản của chị Trần Thị L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho chị L.

+ Đối với xe mô tô hiệu Cúp 81, màu xanh, do không có biển số xe và đã bị đục số khung số máy thu của Lê Quốc K; quá trình điều tra K khai nhận trộm cắp trên địa bàn ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 đã bị đục số khung số máy thu của Lê Quốc K. Cơ quan điều tra đã xác minh biển số xe. Kết quả biển số xe mô tô trên không có trong hệ thống quản lý, không xác định được số khung số máy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

* Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết. Đối với chị Nguyễn Thị G không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền 313.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-NT ngày 23/3/2021. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân

dân huyện N và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo Lê Quốc K đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án. Cho thấy: Vào ngày 16/10/2020, Lê Quốc K đã có hành vi lén lút trộm cắp 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg của chị Trần Thị L tại ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai có giá trị 285.000 đồng và mang đi bán cho chị Nguyễn Thị G với giá 313.000 đồng. Sau đó cùng ngày, K đến Công an xã P1 đầu thú và bị bắt giữ. Do tài sản trộm cắp trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng qua kết quả xác minh cho thấy vào ngày 30/6/2020, Lê Quốc K bị Trưởng Công an xã V xử phạt hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng. Tuy bị cáo đã nộp phạt xong vào ngày 30/6/2020, nhưng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 16/10/2020) là chưa hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-NT ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tội phạm mà bị cáo Lê Quốc K thực hiện tuy ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo vì muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải lao động cực nhọc nên bị cáo đã bất chấp pháp luật trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của người khác. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu và từng bị

kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không sửa đổi bản thân, sống tích cực, sống có ích cho gia đình và xã hội nên cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để răn đe, giáo dục và ngăn ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xét cho bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, khi phạm tội đã chủ động đầu thú để giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Quốc K mức án từ 12 đến 14 tháng tù giam, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

+ Đối với chị Nguyễn Thị G có hành vi mua 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg nhưng do chị G không biết là tài sản K trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 250 cái khung sắt rỉ sét, dạng phế liệu có tổng trọng lượng 57kg là tài sản của chị Trần Thị L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho chị L là phù hợp quy định pháp luật.

+ Đối với xe mô tô hiệu Cúp 81, màu xanh, do không có biển số xe và đã bị đục số khung số máy thu của Lê Quốc K; quá trình điều tra K khai nhận trộm cắp trên địa bàn ấp 2, xã P1, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Do chưa xác định được người bị hại nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 52F1-1581 đã bị đục số khung số máy thu của Lê Quốc K. Cơ quan điều tra đã xác minh biển số xe. Kết quả biển số xe mô tô trên không có trong hệ thống quản lý, không xác định được số khung số máy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện N tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Riêng chị Nguyễn Thị G mặc dù đã được Tòa án niêm yết thủ tục tố tụng tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị G tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện N không yêu cầu bị cáo Lê Quốc K phải bồi thường số tiền 313.000 đồng (Bút lục số 76, 77) nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Quốc K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326, 327 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: **Bị cáo Lê Quốc K – 01 (một) năm tù giam**. Thời tù tính từ ngày 16/10/2020.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc bị cáo Lê Quốc K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết hợp lệ bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Hữu Chí

Nơi nhận:
- VKS,THA,CAH;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp (Nơi bị cáo đăng ký HKTT);
- Bị cáo ;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu HS, VP.